

VN-Index đảo chiều giảm điểm vào cuối phiên

Ngày báo cáo

19/10/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index đảo chiều giảm điểm vào cuối phiên

VN-Index mở cửa trong sắc xanh, đạt mức cao nhất trong phiên là 1.721 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán dần gia tăng từ vùng giá cao, đặc biệt ở các cổ phiếu liên quan đến Vingroup và ngân hàng, khiến chỉ số đảo chiều và đóng cửa tại mức thấp nhất phiên quanh 1.690 điểm, giảm 0,94%. Khối lượng giao dịch đạt khoảng 610 triệu cổ phiếu, tương đương 13,4 nghìn tỷ đồng.

- **Các công ty Dịch vụ Tài chính** phục hồi, được hỗ trợ bởi đà tăng của SSI (+1,8%), VCK (+1,4%), TCX (+0,7%) và HCM (+1,9%).
- **Các công ty Dầu khí** cũng diễn biến tích cực, với BSR (+1,8%), PLX (+0,3%) và PVD (+0,3%) tăng điểm.
- **Nhóm Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Tiêu dùng** đóng góp tích cực cho chỉ số, nhờ FRT (+3,5%), DGW (+2,1%), MSN (+1,4%), VHC (+1,6%) và ANV (+3,3%).
- **Các công ty công nghiệp phân hóa**, với VGC (+2,1%), GEX (+1,1%) và HT1 (+6,9%) tăng, trong khi BMP (-1,8%) và HHV (-1,8%) giảm.
- **Nhóm Bất động sản** cũng phân hóa, khi VIC (-3,7%) và VHM (-1,1%) kéo chỉ số đi xuống, trong khi BCM (+1,7%) và DXG (+1,0%) ghi nhận mức tăng.
- Ngược lại, **các cổ phiếu Ngân hàng** chịu áp lực, với VCB (-1,2%), VPB (-2,0%), BID (-0,9%) và ACB (-1,7%) đóng cửa trong sắc đỏ.
- **Các công ty Công nghệ và Bảo hiểm** cũng diễn biến tiêu cực, chịu ảnh hưởng từ FPT (-1,9%), ELC (-1,3%) và BVH (-1,8%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.689,8	257,9	125,0
% Δ	-0,9%	-0,5%	0,1%
- % Δ 1 tuần	-1,8%	-2,6%	0,2%
- % YTD	-5,3%	3,0%	3,5%
- % YOY	-2,4%	-6,6%	11,0%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	517,0	37,2	13,9
- TB 1 tháng (triệu)	605,6	29,7	27,0
- TB 1 năm (triệu)	903,1	54,5	24,8
- TB QTD	612,7	32,3	30,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-8,0%	-6,3%	82,9%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	54,2	1,2	0,1
- Bán (triệu)	85,1	3,0	0,4
- GT ròng (triệu)	-30,9	-1,8	-0,3
Độ rộng TT			
Mã tăng	164	66	123
Mã giảm	146	60	132
Không đổi	122	175	593
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	316,6	17,5	50,2
P/E trượt 12T	11,5	9,9	13,8
LS cổ tức*	3,1%	3,4%	2,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.841,0	35.612	1.249,35
VN30F2M	1.950,0	905	3,50
VN30F1Q	1.840,7	351	0,18
VN30F2Q	1.843,0	10	0,09
VN100F1M	1.742,6	13	0,09
VN100F2M	1.756,0	33	0,05
VN100F1Q	1.744,0	14	0,88
VN100F2Q	1.744,5	127	0,90
USD/VND		25.885	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Chính phủ thúc đẩy giảm lãi suất cho vay và huy động; BIDV và VCB hưởng ứng
- Ngành vàng: Nghị định 390 (sửa đổi Nghị định 24) quy định thanh toán không dùng tiền mặt đối với giao dịch vàng từ 5 triệu đồng trở lên; nới lỏng yêu cầu cấp phép sản xuất và kinh doanh vàng trang sức
- DPG: Trúng gói thầu thứ hai thuộc dự án tuyến đường nối sân bay Gia Bình - Hà Nội trị giá 1,6 nghìn tỷ đồng, vượt kỳ vọng của chúng tôi
- NVL: Gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký và nộp tiền mua
- KQKD quý 3/2026 của TCX - LNTT quý đạt kỷ lục nhờ cho vay kỳ quỹ tăng trưởng mạnh và hoạt động phân phối TPDN tiếp tục phục hồi
- BMP: Lợi nhuận giảm do biên lợi nhuận gộp giảm trở lại mức bình thường dù doanh thu phục hồi so với quý trước, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- NT2: KQKD quý 3 tăng trưởng mạnh nhờ sản lượng điện và Qc cao; tiềm năng tăng dự báo lợi nhuận - Báo cáo KQKD
- VPB: Ngân hàng mẹ dẫn dắt lợi nhuận quý 3; đà tăng trưởng mạnh mẽ và hoạt động kiểm soát chi phí hiệu quả giúp bù đắp cho sự sụt giảm của NIM - Báo cáo KQKD

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index thoái lui và đóng cửa dưới vùng kháng cự 1.715 điểm, cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Do đó, tín hiệu giảm tiếp tục là tín hiệu chủ đạo với mục tiêu kế tiếp tại vùng 1.650–1.660 điểm. Trong phiên 20/10, các nhịp hồi phục nếu xuất hiện nhiều khả năng sẽ bị cản trở quanh khu vực 1.700 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Chính phủ thúc đẩy giảm lãi suất cho vay và huy động; BIDV và VCB hưởng ứng

* Tại cuộc họp với NHNN, Bộ Tài chính và các ngân hàng thương mại ngày 16/10, Chính phủ yêu cầu giảm lãi suất cho vay 1,5–2,0 điểm phần trăm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

* **BIDV** triển khai chương trình cho vay ưu đãi với lãi suất từ 6,0%/năm, giảm tối đa 2,0 điểm phần trăm so với lãi suất thông thường.

* **Chủ tịch VCB Nguyễn Thanh Tùng** cam kết giảm lãi suất cho vay ít nhất 2,0 điểm phần trăm đến cuối năm 2026 tại phiên thảo luận tổ của Quốc hội ngày 17/10. Cam kết này được đưa ra trong bối cảnh thúc đẩy khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

* Ngày 18/10, NHNN ban hành Công văn số 9608, yêu cầu các ngân hàng giảm lãi suất huy động niêm yết ít nhất 50 điểm cơ bản đối với các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, đồng thời nghiêm cấm việc chạy đua lãi suất huy động. NHNN cũng nhắc lại yêu cầu giảm lãi suất cho vay 1,5–2,0 điểm phần trăm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.

Nhận định của chúng tôi:

* **Chúng tôi kỳ vọng những thông tin này sẽ tạo tâm lý tích cực cho nhà đầu tư**, đặc biệt đối với các ngành nhạy cảm với lãi suất.

* **Đối với các ngân hàng, lo ngại trước mắt có thể là áp lực thu hẹp biên lãi ròng (NIM).** Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng **tác động thực tế sẽ hạn chế.** Thứ nhất, việc giảm lãi suất cho vay vẫn mang tính chọn lọc, trong đó lãi suất ưu đãi của BIDV chỉ áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn đáp ứng điều kiện. Thứ hai, yêu cầu của NHNN về việc giảm lãi suất huy động ít nhất 50 điểm cơ bản sẽ giúp giảm áp lực gia tăng chi phí vốn.

* Trong khi đó, chúng tôi cho rằng **NIM sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi hai yếu tố chính:** (1) việc điều chỉnh tăng lãi suất đối với các khoản vay hiện hữu và (2) tăng trưởng mạnh của tín dụng trung và dài hạn, được thúc đẩy bởi phát triển hạ tầng và nhu cầu tài trợ vốn cho các chủ đầu tư bất động sản.

* **Do đó, chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với NIM của các ngân hàng, kỳ vọng NIM sẽ ổn định hoặc cải thiện trong nửa cuối năm 2026 so với nửa đầu năm.**

* **Nhìn chung, chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tích cực đối với cổ phiếu ngân hàng khi bước vào mùa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2026, với TCB và LPB dự kiến mở đầu vào thứ Ba, ngày 20/10.**

Ngành vàng: Nghị định 390 (sửa đổi Nghị định 24) quy định thanh toán không dùng tiền mặt đối với giao dịch vàng từ 5 triệu đồng trở lên; nới lỏng yêu cầu cấp phép sản xuất và kinh doanh vàng trang sức

* Chính phủ đã ban hành Nghị định 390/2026/NĐ-CP, sửa đổi Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, có hiệu lực từ ngày 16/10/2026. Nghị định đưa ra hai thay đổi chính:

(1) Hạ ngưỡng bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt: Các giao dịch vàng từ 5 triệu đồng trở lên trên mỗi khách hàng mỗi ngày phải được thanh toán bằng phương thức không dùng tiền mặt.

(2) Bãi bỏ yêu cầu cấp phép đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng trang sức: Nghị định 390 bãi bỏ yêu cầu cấp phép đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng trang sức, phù hợp với các sửa đổi trong Luật Đầu tư được ban hành đầu năm nay, theo đó ngành này đã được loại khỏi danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Qua trao đổi của chúng tôi với một số doanh nghiệp trang sức, yêu cầu thanh toán không dùng tiền mặt đối với các giao dịch vàng trang sức từ 5 triệu đồng trở lên cũng bao gồm thẻ tín dụng, thay vì chỉ giới hạn ở chuyển khoản ngân hàng đối với các giao dịch từ 20 triệu đồng trở lên như trước đây. Chúng tôi nhận thấy tác động đan xen đối với các nhà bán lẻ trang sức trong toàn ngành. Một mặt, ngưỡng 5 triệu đồng có thể tạo ra trở ngại đối với một số nhóm khách hàng, đặc biệt là người lớn tuổi và người dân khu vực nông thôn, vốn là những người có thể gặp rào cản trong việc sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Mặt khác, việc cho phép thanh toán bằng thẻ, bên cạnh chuyển khoản ngân hàng, có thể hỗ trợ nhu cầu của nhóm khách hàng ưa chuộng thanh toán bằng thẻ.

DPG: Trúng gói thầu thứ hai thuộc dự án tuyến đường nối sân bay Gia Bình - Hà Nội trị giá 1,6 nghìn tỷ đồng, vượt kỳ vọng của chúng tôi

* CTCP Tập đoàn Đạet Phương (DPG) công bố ký kết Gói thầu XL-03 thuộc dự án tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình - Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng của liên danh đạt 4,4 nghìn tỷ đồng, trong đó phần giá trị thực hiện của DPG đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 37%).

* Dự án do Tập đoàn Sun Group làm chủ đầu tư (theo hình thức hợp đồng BT), với tổng vốn đầu tư lên tới 83 nghìn tỷ đồng. Dự án đã được khởi công vào ngày 19/12/2025 và đặt mục tiêu hoàn thành toàn bộ trước ngày 31/12/2026 (trước thời điểm diễn ra Hội nghị APEC 2027). Đây là gói thầu thứ hai DPG trúng thầu tại dự án này, qua đó nâng tổng giá trị phần công việc do DPG đảm nhận ở cả hai gói thầu lên mức 2,8 nghìn tỷ đồng.

- * Tính cả gói thầu này, tổng giá trị hợp đồng ký mới từ đầu năm 2026 của DPG tăng lên khoảng 8,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 134% dự báo cả năm của chúng tôi (6,6 nghìn tỷ đồng), cao hơn đáng kể so với kỳ vọng. Chúng tôi đánh giá việc trúng thầu này sẽ giúp củng cố triển vọng doanh thu của mảng xây dựng, đồng thời khẳng định vị thế của DPG trong danh mục các dự án hạ tầng của Sun Group.
- * Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với DPG, với giá mục tiêu là 48.900 đồng/cổ phiếu.

NVL: Gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký và nộp tiền mua

- * CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) thông báo điều chỉnh về kế hoạch phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu bao gồm thời gian chuyển nhượng quyền mua, đăng ký và nộp tiền mua so với thông báo trước đó vào ngày 19/09/2026.

Nội dung	Thời gian sau điều chỉnh	Thời gian trước điều chỉnh
Chuyển nhượng quyền mua	08/10- 23/11/2026	08/10-26/10/2026
Đăng ký và nộp tiền mua	08/10- 26/11/2026	08/10-29/10/2026

- * Các nội dung khác giữ nguyên không đổi so với thông báo ngày 19/09/2026 (chi tiết xem tại [Bản tin chứng khoán ngày 21/09/2026](#)).
- * Lý do điều chỉnh: Nhằm tạo điều kiện cho cổ đông có thêm thời gian thực hiện quyền mua theo quy định.

KQKD quý 3/2026 của TCX - LNTT quý đạt kỷ lục nhờ cho vay ký quỹ tăng trưởng mạnh và hoạt động phân phối TPDN tiếp tục phục hồi

TCX ghi nhận LNTT quý 3/2026 đạt 2.152 tỷ đồng (+6% YoY, +3% QoQ), mức cao nhất từ trước đến nay theo quý. LNTT 9 tháng đầu năm 2026 đạt 5.708 tỷ đồng (+13% YoY), hoàn thành 76% kế hoạch cả năm của công ty.

- * Thị phần mới trên HOSE đạt mức kỷ lục 10,03% (đứng thứ 3, so với 9,4% trong quý 2/2026); thị phần trên HNX đạt 9,96% (đứng thứ 2, so với 9,0% trong quý 2/2026).
- * Dư nợ cho vay đạt 54,7 nghìn tỷ đồng (+6% QoQ, +25% so với đầu năm), đứng đầu ngành. Tỷ lệ dư nợ cho vay/vốn chủ sở hữu tăng lên 1,15 lần từ mức 1,13 lần cuối quý 2/2026, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trần 2,0 lần theo quy định. Doanh thu thuần từ hoạt động cho vay ký quỹ quý 3/2026 đạt 1.548 tỷ đồng (+55% YoY), đóng góp khoảng 44% tổng doanh thu thuần.
- * Giá trị TPDN do TCX tư vấn phát hành trong quý 3/2026 đạt khoảng 29,7 nghìn tỷ đồng (+39% YoY, -51% QoQ), tương ứng thị phần 46% trong phân khúc TPDN phi ngân hàng, đứng đầu ngành.
- * TCX phân phối hơn 45,6 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp trong quý (+144% YoY, +102% QoQ). Theo TCX, tăng trưởng được thúc đẩy bởi việc mở rộng các kênh phân phối phục vụ khách hàng tổ chức, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận sản phẩm và mở rộng quy mô hoạt động trên thị trường vốn nợ.

Nhận định của chúng tôi:

- * Trong bối cảnh cạnh tranh về lãi suất và điều kiện thị trường còn nhiều thách thức, chúng tôi đánh giá KQKD quý 3/2026 của TCX là tích cực, tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của công ty trong các mảng môi giới cổ phiếu, cho vay ký quỹ và TPDN.
- * Kết quả của TCX là một tín hiệu tương đối tích cực đối với TCB, ngân hàng dự kiến công bố KQKD quý 3 vào thứ Ba, ngày 20/10.

BMP: Lợi nhuận giảm do biên lợi nhuận gộp giảm trở lại mức bình thường dù doanh thu phục hồi so với quý trước, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

CTCP Nhựa Bình Minh (BMP) đã công bố KQKD quý 3/2026 như sau:

* Doanh thu thuần: 1.463 tỷ đồng (+11% QoQ, -4,5% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 319 tỷ đồng (-13% QoQ, -9% YoY).

KQKD 9T 2026:

* Doanh thu thuần: 4.240 tỷ đồng (gần như đi ngang so với cùng kỳ; hoàn thành 62% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 990 tỷ đồng (+2,4% YoY; hoàn thành 77% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

Doanh thu quý 3 phục hồi so với quý trước từ mức nền thấp, nhưng sản lượng tiêu thụ vẫn còn tương đối yếu so với cùng kỳ. Chúng tôi ước tính đợt tăng giá bán trong tháng 4 của BMP (khoảng 15% đối với PVC, 30% đối với HDPE và 15% đối với PPR) đã giúp giá bán trung bình (ASP) tổng hợp tăng khoảng 17%. Với giả định giá bán nhìn chung không đổi trong quý 3, chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ tăng khoảng 11% QoQ nhưng giảm khoảng 18% YoY. Đáng chú ý, doanh thu quý 3 phục hồi dù tổng mức chiết khấu không tăng so với quý trước. Chúng tôi đánh giá đây là tín hiệu tích cực, cho thấy nhu cầu đối với các sản phẩm của BMP đã phần nào ổn định trở lại sau giai đoạn suy yếu trong quý 2.

Việc biên lợi nhuận gộp giảm trở lại mức bình thường là yếu tố chính kéo giảm lợi nhuận, cùng với áp lực gia tăng từ chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) bình thường (tức chi phí SG&A không bao gồm chiết khấu thương mại). Biên lợi nhuận gộp quý 3 giảm xuống 40,3%, từ mức 46,7% trong quý 2 và 47,9% trong quý 3/2025, ghi nhận mức thấp nhất kể từ quý 1/2023. Chúng tôi cho rằng mức giảm này phản ánh chủ yếu chi phí nguyên vật liệu đầu vào cao hơn bất đầu được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi lợi thế hàng tồn kho giá thấp từ nửa đầu năm dần cạn kiệt, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi về việc biên lợi nhuận sẽ giảm trở lại mức bình thường trong nửa cuối năm. Chi phí SG&A bình thường tăng 42% QoQ và 24% YoY lên 134 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí bao bì trong chi phí bán hàng tăng cao.

Mức chiết khấu thấp hơn giúp hạn chế mức giảm lợi nhuận, đặc biệt là so với cùng kỳ. Tỷ lệ tổng chiết khấu/doanh thu giảm xuống 7,4%, từ mức 8,3% trong quý 2 và 15,3% trong quý 3/2025, đạt mức thấp nhất kể từ quý 4/2021. Chiết khấu thương mại giảm 27% QoQ và 70% YoY xuống 39 tỷ đồng. Diễn biến này đã bù đắp một phần áp lực từ biên lợi nhuận gộp thấp hơn và chi phí SG&A bình thường cao hơn; tuy nhiên, biên lợi nhuận ròng vẫn giảm xuống 21,8%, từ mức 27,8% trong quý 2 và 22,9% trong quý 3/2025.

Nhìn chung, LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2026 phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi khi hoàn thành 77% dự báo cả năm 2026, dù cơ cấu lợi nhuận thực tế có sự khác biệt so với các giả định của chúng tôi. Doanh thu chỉ mới hoàn thành 62% dự báo cả năm, trong khi tổng mức chiết khấu đạt 36% dự báo. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo doanh thu và biên lợi nhuận gộp, nhưng kỳ vọng mức chiết khấu thấp hơn dự kiến sẽ bù đắp phần lớn áp lực này. Do đó, chúng tôi hiện nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận, dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NT2: KQKD quý 3 tăng trưởng mạnh nhờ sản lượng điện và Qc cao; tiềm năng tăng dự báo lợi nhuận - Báo cáo KQKD

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST cốt lõi năm 2026 của chúng tôi (1.047 tỷ đồng, +18% YoY), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết, do LNST cốt lõi 9 tháng đầu năm 2026 (9T 2026) đã hoàn thành 87% dự báo cả năm của chúng tôi. Đáng chú ý, NT2 đã áp dụng chính sách trích lập dự phòng trước cho chi phí sửa chữa lớn trong kết quả kinh

doanh 9T 2026, thay vì phương pháp phân bổ như trong báo cáo 6T chưa kiểm toán. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng trong 9T 2026 tăng 10% YoY. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NT2, với giá mục tiêu là 29.000 đồng/cổ phiếu.

KQKD 9T 2026: Sản lượng thương phẩm đạt 3,3 tỷ kWh (+53% YoY, hoàn thành 76% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi).

* Doanh thu đạt 7,8 nghìn tỷ đồng (+44% YoY, hoàn thành 80% dự báo cả năm 2026), và LNST báo cáo đạt 906 tỷ đồng (+57% YoY, hoàn thành 85% dự báo cả năm 2026).

* Chúng tôi cho rằng nguyên nhân của đà tăng trưởng LNST báo cáo mạnh mẽ này chủ yếu đến từ: (1) mức tăng 53% YoY của sản lượng thương phẩm, (2) mức giảm 401 tỷ đồng (-78% YoY) của chi phí khấu hao do các tài sản cố định chính đã hết khấu hao, và (3) mức tăng 92% YoY của doanh thu tài chính. Các yếu tố tích cực này đã góp phần bù đắp cho: (4) mức nền so sánh cao trong 9T 2025 (khi NT2 ghi nhận doanh thu bồi thường đối với 300 triệu kWh sản lượng Qc không được huy động), (5) mức tăng 6% YoY của giá khí, (6) mức tăng gấp đôi của thuế suất hiệu dụng (lên mức 20%) từ năm 2026, và (7) mức tăng 117% YoY của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A).

KQKD Quý 3/2026: Sản lượng thương phẩm đạt 1.161 triệu kWh (+48% YoY), doanh thu đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+46% YoY), và LNST báo cáo đạt 419 tỷ đồng (+95% YoY).

* Doanh thu tăng 46% YoY chủ yếu nhờ sản lượng thương phẩm tăng 48% YoY.

* Chúng tôi cho rằng đà bứt phá của LNST chủ yếu đến từ: (1) sản lượng thương phẩm và sản lượng Qc lần lượt tăng 48% và 24% YoY, (2) chi phí khấu hao giảm 134 tỷ đồng (-78% YoY), và (3) doanh thu tài chính tăng 89% YoY. Những yếu tố này đã giúp bù đắp cho: (4) mức tăng gấp đôi của thuế suất hiệu dụng và (5) mức tăng 28 tỷ đồng của chi phí SG&A, do chi phí SG&A trong quý 3/2025 ở mức rất thấp (chỉ 0,9 tỷ đồng) nhờ khoản hoàn nhập 24 tỷ đồng dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VPB: Ngân hàng mẹ dẫn dắt lợi nhuận quý 3; đà tăng trưởng mạnh mẽ và hoạt động kiểm soát chi phí hiệu quả giúp bù đắp cho sự sụt giảm của NIM - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) đã công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2026 (9T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 65,5 nghìn tỷ đồng (+25% YoY) và LNTT hợp nhất đạt 29,9 nghìn tỷ đồng (+47% YoY), lần lượt hoàn thành 73% và 76% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 3 đạt mức kỷ lục 11,0 nghìn tỷ đồng (+20% YoY, +1% QoQ). Nhìn chung, kết quả 9T vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ, chi phí tín dụng được kiểm soát tốt và chi phí hoạt động thấp hơn dự báo.

* **Tăng trưởng tín dụng vượt xa toàn ngành:** Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ đã đạt 30,1% trong 9T 2026 so với mức tăng trưởng toàn ngành là 11,6%, nhìn chung phù hợp với mức dự báo cả năm (35%) của chúng tôi. Cho vay hộ kinh doanh (+43% trong 9T; chiếm 25% tổng dư nợ) dẫn dắt đà tăng trưởng quý 3, trong khi dư nợ cho vay đầu tư bất động sản tăng 39% (chiếm 24% tổng dư nợ) và cho vay mua nhà tăng 12,6% (chiếm 12% tổng dư nợ).

* **Tăng trưởng huy động vốn vượt tăng trưởng tín dụng, thanh khoản cải thiện:** Tiền gửi khách hàng cộng giấy tờ có giá tăng 34,2% trong 9T, dẫn đầu là giấy tờ có giá (+81%) do chúng tôi tiền gửi phát hành cho các tổ chức tăng gấp ba lần. Tỷ lệ CASA phục hồi lên 13,6% (+0,8 điểm % QoQ). Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) giảm từ mức 84,5% vào cuối quý 2 xuống 82%, và tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tiếp tục duy trì trên mức 13%. Vốn điều lệ tăng lên 100 nghìn tỷ đồng sau đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 26,04% trong quý 3. Trong khi đó, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn được ghi nhận ở mức 19,9% tại thời điểm quý 3 (thấp hơn nhiều so với mức trần quy định là 40%).

* **NIM thu hẹp trong quý 3:** NIM 9T ghi nhận ở mức 5,07% (-33 điểm cơ bản YoY), thấp hơn nhẹ so với dự báo cả năm của chúng tôi là 5,29%. NIM quý 3 giảm xuống mức 4,80% (-32 điểm cơ bản QoQ), do chi phí vốn (CoF) tăng lên 6,49% (+32 điểm cơ bản QoQ) trong khi lợi suất tài sản đi ngang.

* **Thu nhập phí thuần (NFI) ròng giúp hỗ trợ đà tăng trưởng của thu nhập ngoài lãi (NOII), nhưng NOII quý 3 đã giảm 23% YoY:** NOII 9T đạt 12,4 nghìn tỷ đồng (+20% YoY; đạt ~71% dự báo cả năm của chúng tôi). NFI tăng mạnh 76% YoY lên mức 8,6 nghìn tỷ đồng, và doanh thu từ việc thu hồi nợ đã xử lý rủi ro cũng ghi nhận mức tăng 13% YoY (đạt 3,2 nghìn tỷ đồng). Dù vậy, khoản lỗ kinh doanh ngoại hối 2,0 nghìn tỷ đồng cùng khoản lỗ kinh doanh chứng khoán 85 tỷ đồng (so với mức lãi 1,8 nghìn tỷ đồng trong 9T 2025) đã phần nào làm giảm thiểu tác động tích cực từ đà tăng này.

* **Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt hơn kỳ vọng:** Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) đạt 21,0% (-3,3 điểm % YoY), thấp hơn so với dự báo cả năm của chúng tôi là 22,5%.

* **Tỷ lệ nợ xấu cải thiện về mức thấp nhất trong nhiều năm, nhưng nợ Nhóm 2 tăng nhẹ so với quý trước:** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất trong quý 3/2026 giảm xuống 3,12% (-16 điểm cơ bản QoQ; -40 điểm cơ bản YoY). Tuy nhiên, nợ Nhóm 2 đã tăng lên mức 3,56% (+39 điểm cơ bản QoQ), và tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm nhẹ xuống mức 54,0% (-2,2 điểm % QoQ), qua đó phát đi tín hiệu về rủi ro hình thành nợ xấu mới trong quý 4. Chi phí dự phòng rủi ro tăng 14% YoY lên 21,8 nghìn tỷ đồng (hoàn thành ~73% dự báo của chúng tôi).

* **Đóng góp lợi nhuận từ mảng chứng khoán hạ nhiệt trong quý 3 trong khi các công ty con khác lại ghi nhận diễn biến khả quan hơn:** LNTT 9T của VPX (VPBankS) đạt ~3,5 nghìn tỷ đồng (hoàn thành ~56% dự báo cả năm của chúng tôi), tương ứng LNTT quý 3 đạt ~843 tỷ đồng do mảng tự doanh chuyển sang lỗ. Chúng tôi ước tính LNTT 9T của FE Credit đạt ~311 tỷ đồng với tăng trưởng dư nợ đạt 12% trong 9T và tỷ lệ nợ xấu quý 3/2026 ghi nhận ở mức 15% (-4 điểm % QoQ; -2 điểm % YoY). LNTT mảng bảo hiểm (OPES) đạt 930 tỷ đồng (+105% YoY) trong 9T 2026. GPBank (ngân hàng 0 đồng do VPB hỗ trợ; không hợp nhất) ghi nhận LNTT 9T đạt hơn 1 nghìn tỷ đồng, gần gấp đôi kết quả cả năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
PNJ	Bán lẻ	22%	366	12,2	18.500	42.900	132%	0,0%	132%	KQ	11/09/26	3,6	9,2	7,5	0,7
HDC	Bất động sản	48%	92	0,6	10.350	21.400	107%	0,0%	107%	KQ	09/01/26	3,7	7,6	17,0	0,8
KDH	Bất động sản	26%	675	2,9	14.150	28.800	104%	0,0%	104%	MUA	28/08/26	17,6	12,1	17,0	0,9
STK	Dệt may	83%	47	0,0	7.900	16.000	103%	0,0%	103%	KQ	17/01/25	14,2	7,4	10,8	0,7
MWG	Bán lẻ	0%	4.230	13,3	74.200	140.000	89%	5,7%	94%	MUA	17/08/26	15,4	9,2	12,9	3,1
HDG	Điện & Nước	34%	233	0,4	14.850	28.700	93%	0,0%	93%	MUA	16/07/26	8,8	11,1	17,0	0,9
DMX	Bán lẻ	40%	3.663	1,1	74.800	130.600	75%	9,7%	84%	MUA	21/09/26	14,2	8,8	12,9	5,3
PTB	Công nghiệp	11%	116	0,2	29.900	52.000	74%	7,0%	81%	KQ	06/10/25	4,0	5,2	12,9	0,8
GEX	Điện & Nước	44%	1.150	8,9	22.750	40.500	78%	2,2%	80%	MUA	06/07/26	20,3	20,2	11,6	1,5
DPG	Điện & Nước	31%	126	0,3	27.600	48.900	77%	2,2%	79%	MUA	11/06/26	8,5	8,9	12,8	1,1
HVN	Hàng không	22%	2.542	0,5	21.150	37.100	75%	0,0%	75%	KQ	22/07/25	9,0	7,6	18,2	7,0
F88	Tài chính TT	43%	501	0,4	56.200	98.000	74%	0,0%	74%	MUA	25/06/26	17,2	10,6	16,5	3,2
NLG	Bất động sản	14%	401	1,8	21.400	36.800	72%	2,3%	74%	MUA	28/08/26	12,5	15,5	17,0	0,8
BMI	Bảo hiểm	24%	80	0,1	13.700	23.100	69%	3,6%	72%	MUA	12/04/24	9,1	5,4	13,5	0,7
HPG	VLXD	27%	6.703	17,6	20.550	32.700	59%	2,9%	62%	MUA	18/08/26	11,5	7,0	12,9	1,2
CTG	Ngân hàng	6%	9.152	9,0	30.500	48.800	60%	1,5%	61%	MUA	26/08/26	7,8	6,5	11,0	1,2
DGC	Công nghiệp	46%	484	0,8	33.000	52.100	58%	3,0%	61%	KQ	20/07/26	4,4	6,6	10,8	0,8
IDC	KCN	35%	547	2,9	33.900	51.200	51%	8,8%	60%	MUA	13/08/26	7,4	7,2	17,0	2,1
PLC	Dầu khí	-0%	65	0,1	20.700	31.900	54%	4,8%	59%	MUA	12/09/25	123,2	6,6	10,8	1,2
VGC	KCN	48%	766	1,2	44.250	66.800	51%	5,0%	56%	MUA	11/05/26	14,9	12,4	12,8	2,4
VTP	GTVT	45%	361	1,8	46.300	71.800	55%	0,0%	55%	PHTT	25/05/26	19,3	23,1	11,6	4,1
VRE	Bất động sản	38%	2.023	3,4	23.050	35.600	54%	0,0%	54%	MUA	04/09/26	8,1	9,4	17,0	1,1
PVS	Dầu khí	33%	754	4,8	31.800	49.000	54%	0,0%	54%	MUA	10/08/26	13,3	11,0	12,5	1,3
ACG	Gỗ	12%	180	0,0	30.950	45.800	48%	5,5%	53%	MUA	15/07/25	9,8	7,7	12,9	1,1
MBB	Ngân hàng	1%	7.663	9,3	19.700	29.600	50%	2,5%	53%	MUA	21/05/26	6,8	5,7	11,0	1,3
SZC	KCN	19%	121	0,2	17.400	24.700	42%	5,7%	48%	KQ	01/07/26	9,9	23,9	17,0	1,0

QTP	Điện & Nước	-1%	186	0,1	10.700	14.600	36%	9,3%	46%	MUA	10/12/25	4,7	7,3	11,1	0,8
POW	Điện & Nước	46%	1.452	3,7	12.250	17.800	45%	0,0%	45%	MUA	17/08/26	15,7	7,8	11,1	0,9
PHR	Công nghiệp	-10%	304	0,7	32.250	45.900	42%	2,3%	45%	MUA	15/07/26	17,9	5,0	10,8	1,7
DXG	Bất động sản	34%	502	3,7	10.250	14.600	42%	0,0%	42%	MUA	28/08/26	57,6	60,7	17,0	0,9
ACB	Ngân hàng	7%	4.541	6,6	20.250	28.000	38%	3,5%	42%	MUA	28/08/26	7,6	6,6	11,0	1,2
MSN	Bán lẻ	76%	4.085	16,9	72.400	101.200	40%	0,0%	40%	MUA	21/05/25	25,5	24,7	11,6	2,6
FPT	CNTT	21%	4.160	17,2	57.100	77.800	36%	3,5%	40%	MUA	16/10/26	12,1	10,6	11,3	2,7
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.121	0,9	42.800	54.300	27%	11,7%	39%	MUA	01/10/26	12,8	11,0	12,3	2,8
REE	Điện & Nước	0%	1.085	0,9	45.050	60.800	35%	2,2%	37%	MUA	20/08/26	11,1	9,8	11,6	1,3
KBC	KCN	43%	946	1,7	26.000	34.600	33%	3,8%	37%	MUA	20/08/26	11,6	12,2	17,0	0,9
VCB	Ngân hàng	10%	18.141	10,2	56.200	76.500	36%	0,8%	37%	MUA	11/09/26	14,5	11,0	11,0	1,9
TV2	Điện & Nước	-6%	65	0,1	25.000	33.000	32%	4,0%	36%	KQ	13/07/26	28,4	19,4	11,6	1,3
SSI	Chứng khoán	70%	2.296	18,9	19.800	25.800	30%	5,1%	35%	MUA	16/07/26	11,6	12,7	16,5	1,5
PC1	Điện & Nước	42%	295	1,5	18.550	24.700	33%	0,0%	33%	KQ	21/07/26	8,3	12,6	12,8	1,1
DXS	Bất động sản	45%	111	0,5	4.960	6.600	33%	0,0%	33%	PHTT	28/08/26	8,4	12,3	17,0	0,4
NT2	Điện & Nước	39%	260	1,0	23.350	29.000	24%	8,6%	33%	MUA	10/08/26	6,3	6,6	11,1	1,3
PPC	Điện & Nước	46%	108	0,0	8.700	11.000	26%	5,7%	32%	KQ	10/12/25	17,1	8,6	11,1	0,6
AST	DV Hàng không	3%	125	0,0	60.000	76.200	27%	4,2%	31%	MUA	14/10/26	13,0	10,2	12,9	4,5
TCB	Ngân hàng	2%	9.102	27,6	33.250	42.600	28%	3,0%	31%	MUA	12/08/26	9,3	8,1	11,0	1,3
BMP	VLXD	18%	436	0,3	138.000	163.000	18%	11,2%	29%	MUA	17/06/26	9,3	8,8	12,8	3,6
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.643	5,1	57.500	70.300	22%	7,0%	29%	MUA	24/04/25	12,8	13,7	12,3	3,8
VPB	Ngân hàng	8%	9.272	25,4	24.000	30.200	26%	2,1%	28%	MUA	18/05/26	10,0	7,8	11,0	1,3
SIP	KCN	47%	455	0,1	48.600	58.900	21%	6,2%	27%	MUA	20/07/26	9,5	9,5	17,0	2,4
TPB	Ngân hàng	8%	1.473	5,3	11.950	14.700	23%	4,2%	27%	MUA	15/09/26	5,2	4,8	11,0	0,8
BID	Ngân hàng	13%	10.112	5,0	33.650	42.600	27%	0,0%	27%	KQ	30/09/26	9,4	8,9	11,0	1,4
BSR	Lọc hóa dầu	47%	5.581	14,5	28.850	35.800	24%	2,4%	27%	MUA	28/09/26	27,7	6,0	12,5	1,9
DHC	Công nghiệp	15%	155	0,7	37.800	45.800	21%	5,3%	26%	MUA	16/09/26	10,2	7,1	12,9	1,6
PLX	Xăng dầu	6%	1.757	6,5	35.150	43.200	23%	3,4%	26%	MUA	06/10/26	18,4	14,4	12,5	1,8

DCM	Phân bón	42%	692	3,6	33.850	40.200	19%	5,9%	25%	MUA	14/10/26	9,9	7,7	10,8	1,6
PVD	Dầu khí	42%	634	8,3	17.700	22.000	24%	0,0%	24%	KQ	21/08/26	18,3	17,9	12,5	1,0
FRT	Bán lẻ	16%	1.009	5,6	146.000	181.400	24%	0,0%	24%	MUA	22/09/26	32,9	19,0	12,9	5,4
VHM	Bất động sản	44%	19.137	30,4	60.300	74.000	23%	0,0%	23%	PHTT	28/08/26	11,8	8,3	17,0	1,9
PVT	Dầu khí	33%	481	7,6	24.100	28.500	18%	4,1%	22%	KQ	14/10/26	12,5	7,4	11,6	1,3
DPM	Phân bón	47%	558	2,3	21.250	24.500	15%	7,1%	22%	KQ	14/10/26	16,2	9,4	10,8	1,3
SCS	DV Hàng không	23%	149	0,2	40.100	43.400	8%	13,7%	22%	PHTT	22/09/26	5,1	5,1	18,2	2,5
GAS	Dầu khí	47%	7.150	3,9	76.700	90.000	17%	3,9%	21%	MUA	29/07/26	17,1	14,5	11,1	2,7
BWE	Điện & Nước	47%	408	0,2	42.000	49.600	18%	3,1%	21%	KQ	14/08/26	10,8	11,1	11,1	1,7
GMD	GTVT	10%	1.355	4,5	54.000	63.900	18%	2,8%	21%	MUA	24/08/26	21,9	12,0	11,6	2,6
MCH	Bán lẻ	89%	7.061	21,2	139.800	163.000	17%	3,7%	20%	PHTT	28/11/25	27,1	24,6	12,3	9,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	416	0,8	51.400	58.600	14%	5,8%	20%	KQ	30/07/26	8,1	7,6	12,3	1,2
BVH	Bảo hiểm	22%	2.028	3,0	70.700	83.600	18%	1,4%	20%	MUA	11/06/26	18,9	13,0	13,5	2,0
STB	Ngân hàng	19%	4.501	11,7	61.800	73.500	19%	0,0%	19%	PHTT	15/09/26	21,7	19,5	11,0	1,9
CTR	CNTT	43%	336	0,6	67.800	79.000	17%	2,2%	19%	KQ	13/10/26	14,5	12,8	12,8	3,9
NVL	Bất động sản	45%	1.331	13,3	10.750	12.700	18%	0,0%	18%	MUA	01/10/26	18,3	19,7	17,0	0,7
HDB	Ngân hàng	8%	5.719	28,0	22.750	25.400	12%	2,2%	14%	MUA	06/03/26	8,4	7,0	11,0	1,7
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	711	0,5	50.500	53.400	6%	7,9%	14%	KQ	30/08/24	9,7	7,2	12,3	1,7
NKG	VLXD	46%	202	0,8	10.600	11.900	12%	0,0%	12%	PHTT	18/04/25	26,5	9,0	12,9	0,7
VIB	Ngân hàng	1%	1.984	5,6	13.750	14.700	7%	3,6%	11%	KQ	18/08/26	7,0	5,6	11,0	1,1
TLG	Văn phòng phẩm	91%	208	0,6	55.700	56.100	1%	4,5%	5%	KQ	23/09/26	12,0	11,7	7,5	2,1
ACV	Hàng không	47%	5.691	0,7	41.300	43.300	5%	0,0%	5%	PHTT	19/08/26	13,2	13,1	11,6	2,0
LPB	Ngân hàng	3%	4.437	5,1	38.450	39.300	2%	2,6%	5%	KKQ	18/11/25	10,1	10,6	11,0	2,7
HSG	VLXD	46%	326	1,0	10.450	10.400	-0%	4,8%	4%	PHTT	18/04/25	13,5	14,4	12,9	0,7
GVR	Công nghiệp	-1%	4.845	3,5	31.350	32.100	2%	1,3%	4%	PHTT	20/07/26	23,6	18,3	10,8	2,1
DGW	Bán lẻ	20%	392	3,0	45.450	45.400	-0%	2,2%	2%	KQ	18/06/26	18,3	15,6	12,9	2,7
TDM	Điện & Nước	49%	280	0,0	59.400	57.700	-3%	2,2%	-1%	PHTT	14/08/26	34,1	34,1	11,1	2,8

OIL	Dầu khí	6%	517	1,2	12.900	12.700	-2%	0,8%	-1%	KQ	17/10/25	31,5	28,5	12,5	1,3
VEA	Ô-tô	-1%	1.998	0,8	39.000	30.800	-21%	12,4%	-9%	PHTT	28/10/25	7,1	7,3	11,6	2,2
VJC	Hàng không	25%	3.788	8,3	127.500	114.000	-11%	0,0%	-11%	KQ	15/03/24	35,5	14,3	18,2	3,7
VIC	Bất động sản	45%	62.074	30,1	207.000	117.000	-43%	0,0%	-43%	BÁN	14/09/26	136,2	60,6	17,0	9,4

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	48	131.272	2.735	19	14,7	11,3	8,8	15,7	1,6	25,5	16,4	11,3	1,9	3,6%
KHẢ QUAN	23	24.781	1.077	3	10,8	10,3	9,1	12,8	1,6	19,3	13,3	11,6	1,7	2,9%
PHÙ HỢP TT	12	44.661	3.722	3	16,2	14,4	11,4	16,5	2,2	17,5	17,6	15,7	2,6	3,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.437	4.437	0	12,5	10,1	10,6	10,4	2,7	12,5	10,1	10,6	2,7	2,6%
BÁN	1	62.074	62.074	1	129,4	136,2	60,6	77,0	9,4	129,4	136,2	60,6	9,4	0,0%
TỔNG CỘNG	85	267.224	3.144	26	18,0	14,9	11,6	16,9	2,1	23,8	17,1	12,6	2,0	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	86.097	7.175	11	11,0	9,6	8,1	12,6	1,4	10,5	9,8	8,5	1,5	2,2%
Bảo hiểm	2	2.107	1.054	1	23,9	18,2	12,3	21,8	1,9	17,4	14,0	9,2	1,4	2,5%
Chứng khoán	1	2.296	2.296	1	15,9	11,6	12,7	15,1	1,5	15,9	11,6	12,7	1,5	5,1%
Tài chính thay thế	1	501	501	0	35,2	17,2	10,6	30,0	3,2	35,2	17,2	10,6	3,2	0,0%
Tiêu dùng	14	31.237	2.231	4	17,9	15,0	12,8	20,4	3,5	22,6	15,3	13,0	3,4	5,2%
CNTT	1	4.160	4.160	1	14,9	12,1	10,6	16,5	2,7	14,9	12,1	10,6	2,7	3,5%
Bất động sản	9	86.345	9.594	2	53,6	34,4	23,1	26,4	3,8	31,7	30,5	22,9	1,9	0,3%
Vật liệu	4	7.667	1.917	1	14,6	11,6	7,3	17,7	1,2	13,0	15,2	9,8	1,5	4,7%
Điện & Nước	12	5.648	471	1	19,1	12,3	10,5	17,9	1,2	25,2	14,5	13,1	1,3	3,3%
Dầu khí	10	18.189	1.819	2	26,2	18,8	9,6	22,8	1,9	45,5	28,8	12,3	1,5	3,2%
Công nghiệp	5	983	197	0	6,4	5,6	6,7	8,6	0,9	22,6	8,5	6,8	1,0	4,2%
Khu công nghiệp	7	7.983	1.140	1	22,3	16,3	13,5	19,1	1,8	21,5	13,5	12,7	1,8	4,7%
GTVT & Logistics	7	14.011	2.002	1	13,3	14,9	11,6	17,4	2,8	16,8	16,7	12,2	3,8	3,0%
TỔNG CỘNG	85	267.224	3.144	26	18,0	14,9	11,6	16,9	2,1	23,8	17,1	12,6	2,0	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q3 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB		14%	MUA		
BID		8%	KQ		
CTG		17%	MUA		
HDB		17%	KQ		
LPB		-4%	KKQ		
MBB		20%	MUA		
STB		11%	PHTT		
TCB		15%	MUA		
TPB		5%	MUA		
VCB		19%	MUA		
VIB		16%	KQ		
VPB		29%	MUA		
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI		68%	MUA		
BVH		33%	MUA		
SSI		-7%	MUA		
F88	74%	62%	MUA		Triển vọng hoàn thành mục tiêu lợi nhuận tăng trưởng mạnh năm 2026; cân bằng tăng trưởng và quản trị rủi ro
Tiêu dùng					
CTR		17%	KQ		
DGW		17%	KQ		
FPT		15%	MUA		
FRT		74%	MUA		
MSN (2)		42%	MUA		
MCH		14%	PHTT		
MWG		18%	MUA		
DMX		61%	MUA		
PNJ		-61%	KQ		
QNS		33%	KQ		
SAB		1%	MUA		
TLG		20%	MUA		
VEA		-7%	PHTT		
VHC		7%	KQ		
VNM		6%	MUA		
GTVT & Logistics					
ACV		-3%	PHTT		
AST		27%	MUA	MUA	
GMD (2)		31%	MUA		
HVN		19%	PHTT		
SCS		0%	PHTT		

VJC		N.A	KQ	
VTP		-16%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-5%	MUA	
DXS		-32%	PHTT	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-7%	MUA	
KDH		45%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		43%	PHTT	
VIC		125%	BÁN	
VRE		-13%	MUA	
Khu công nghiệp				
GVR		29%	PHTT	
IDC		3%	MUA	
KBC	-24%	-5%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp 3 lần YoY nhờ đẩy nhanh bàn giao đất KCN
PHR		258%	MUA	
SIP		0%	MUA	
SZC		-59%	KQ	
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		19%	MUA	
BMP		5%	MUA	
DGC		-33%	KQ	
DHC		3%	MUA	
HPG (2)		37%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		480%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		-12%	KQ	
GEX		1%	MUA	
HDG		22%	KQ	
NT2		-6%	MUA	
PC1		-34%	KQ	
POW		101%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	
TDM (2)		18%	PHTT	
TV2		46%	KQ	
DPG		-4%	MUA	
VGC		12%	MUA	
Dầu khí				
BSR		363%	MUA	
DCM (2)		61%	MUA	

DPM	82%	PHTT	
GAS	10%	MUA	
OIL (2)	39%	KQ	
PLX (2)	30%	MUA	
PLC	834%	MUA	
PVD (2)	30%	KQ	
PVS (2)	6%	MUA	
PVT (2)	73%	MUA	KQ

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 + quý 4 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.689,84	-16,07
VN 30	1.839,18	-16,23
VN Mid	1.817,11	6,00
VNSmall	1.227,24	2,68

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	257,91	-1,22
HNX30	432,54	2,52
VNX Allshare	2.703,32	-18,03

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	125,02	0,15

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.031,6	15,2%
Khối ngoại mua	1.404,1	10,5%
Khối ngoại bán	2.203,7	16,5%
Tổng giao dịch	13.382,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	188,5	19,6%
Khối ngoại mua	31,1	3,2%
Khối ngoại bán	77,2	8,0%
Tổng giao dịch	962,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	27,8	7,7%
Khối ngoại mua	2,3	0,6%
Khối ngoại bán	9,7	2,7%
Tổng giao dịch	360,5	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TNH	470	6,9%
HT1	850	6,9%
CDC	1.200	5,3%
VPI	2.100	4,4%
HII	390	4,1%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PLC	1.800	9,5%
BCC	400	7,4%
TNG	700	3,9%
VC7	200	3,0%
DXP	400	2,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HTM	1.201	12,1%
TOS	4.921	5,9%
PCB	444	4,9%
SCL	1.231	4,2%
VLB	1.513	3,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DRC	-540	-5,5%
SJS	-2.500	-4,4%
BFC	-2.500	-4,2%
TDP	-1.150	-3,9%
VIC	-8.000	-3,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NVB	-500	-3,6%
EVS	-200	-3,6%
NTP	-1.400	-2,6%
PSD	-300	-1,8%
MST	-100	-1,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DTP	-1.041	-1,7%
ACV	-577	-1,4%
QNS	-637	-1,3%
VSF	-182	-0,6%
VCP	-101	-0,4%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VPB	886,3
TCB	654,4
CTG	562,4
SSI	516,8
VIX	496,9

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	251,8
HUT	192,7
CEO	86,1
MBS	56,1
PVS	53,9

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
AAS	86,5
MSR	54,1
VEA	34,3
ACV	34,0
VCP	22,4

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
RYG	1.053.051	60.880
CIG	1.225.110	75.442
DRC	1.741.227	119.679
OPC	1.561.447	113.984
FIR	375.890	56.613
HT1	1.843.931	340.976
KSB	2.223.288	486.061
TLD	624.620	161.893
BMP	198.806	51.535
KBC	6.181.635	1.659.077

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PLC	684.057	98.197
CTP	554.613	132.418
TIG	2.980.300	784.190
HUT	16.013.912	4.703.222
IPA	169.962	55.177
NTP	452.818	167.331
VFS	1.368.722	540.862
TNG	1.636.986	701.569
SHS	19.981.815	8.851.849
EVS	574.769	312.137

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VCP	1.130.216	156.435
AAS	8.346.633	1.717.799
CLI	377.211	149.993
SCL	208.771	97.913
CVN	782.444	390.379
AAV	244.642	128.523
ACV	826.437	452.163
HTM	942.210	528.943
VEA	881.377	514.636
G36	180.652	118.278

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.287		13,5	1,8	0,0%
TCX	3.576	91,6%	15,0	2,0	0,0%
VCK	2.634	96,5%	14,6	2,2	0,0%
SSI	2.296	70,1%	11,3	1,5	0,0%
VPX	1.648	96,1%	7,9	1,2	0,0%
HCM	1.283	14,6%	18,5	2,3	0,0%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	613		11,0	1,4	0,0%
BVH	2.028	21,9%	15,8	2,0	0,0%
PVI	615	43,1%	12,0	1,8	0,0%
BIC	150	7,5%	9,1	1,1	0,0%
VNR	146	22,8%	8,2	0,9	0,0%
MIG	128	82,6%	9,9	1,2	0,0%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.700		14,3	3,4	0,0%
ACV	5.691	47,3%	13,3	2,0	0,0%
MVN	2.812	0,0%	25,9	4,7	0,0%
VEA	1.998	-1,3%	6,7	2,2	0,0%
GEE	1.643	49,3%	11,9	5,3	0,0%
GMD	1.355	10,2%	13,5	2,6	0,0%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.744		17,7	4,2	0,0%
MCH	7.061	88,9%	25,8	9,8	0,0%
VNM	4.643	50,3%	11,0	3,8	0,0%
MSN	4.085	75,7%	15,7	2,6	0,0%
SAB	2.121	41,2%	11,5	2,8	0,0%
SBT	812	76,2%	24,5	1,8	0,0%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.849		13,4	1,4	0,0%
BSR	5.581	47,4%	7,3	1,9	0,0%
PLX	1.757	5,5%	13,9	1,8	0,0%
PVS	754	33,4%	9,3	1,3	0,0%
PVD	634	42,1%	14,8	1,0	0,0%
OIL	517	6,4%	21,9	1,3	0,0%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.296		10,8	2,0	0,0%
GAS	7.150	46,9%	14,6	2,7	0,0%
POW	1.452	46,1%	6,0	0,9	0,0%
REE	1.085	0,0%	10,6	1,3	0,0%
PGV	963	50,0%	5,1	1,4	0,0%
DNH	832	0,0%	18,0	3,9	0,0%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	17.476		22,8	3,5	0,0%
VIC	62.074	45,0%	75,2	9,4	0,0%
VHM	19.137	43,7%	6,2	1,9	0,0%
KSF	2.579	50,0%	4,4	3,1	0,0%
VRE	2.023	38,0%	7,2	1,1	0,0%
BCM	1.567	33,7%	20,8	1,9	0,0%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.156		8,3	1,4	3,5%
VCB	18.141	10,1%	11,3	1,9	0,0%
BID	10.112	12,6%	7,9	1,4	0,0%
VPB	9.272	7,8%	7,7	1,3	17,6%
CTG	9.152	5,5%	5,9	1,2	0,0%
TCB	9.102	2,3%	8,7	1,3	0,0%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.953		26,4	4,5	0,0%
VPL	5.542	42,4%	47,5	3,2	0,0%
MWG	4.230	0,0%	11,1	3,1	0,0%
VJC	3.788	24,7%	45,1	3,7	0,0%
DMX	3.663	40,0%	14,7	5,3	0,0%
HVN	2.542	21,6%	13,6	7,0	0,0%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.273		14,3	3,0	0,0%
HPG	6.703	27,3%	7,5	1,2	0,0%
GVR	4.845	-0,6%	17,9	2,1	0,0%
MSR	2.757	94,0%	29,3	5,0	0,0%
KSV	1.366	0,0%	10,1	5,4	0,0%
DCM	692	42,5%	6,9	1,6	0,0%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	236		34,2	2,8	0,0%
DHG	454	46,0%	12,2	3,4	0,0%
IMP	212	5,4%	15,2	2,3	0,0%
DHT	191	9,3%	122,8	4,5	0,0%
DBD	168	83,2%	15,0	2,5	0,0%
DVN	155	-0,0%	5,8	1,1	0,0%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	908		33,4	1,3	0,0%
FPT	4.160	21,1%	10,7	2,7	0,0%
CMG	177	14,0%	11,7	1,4	0,0%
SAM	94	48,5%	21,5	0,6	0,0%
SGT	55	-5,5%	113,2	0,7	0,0%
ELC	52	45,7%	10,0	1,0	0,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

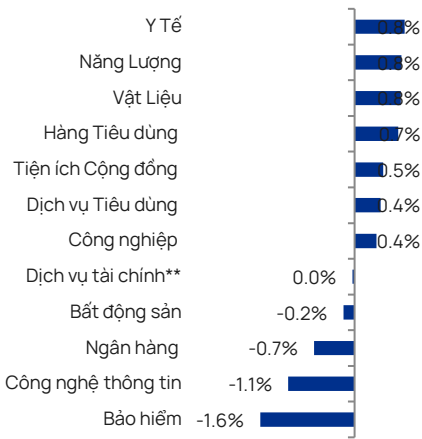
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

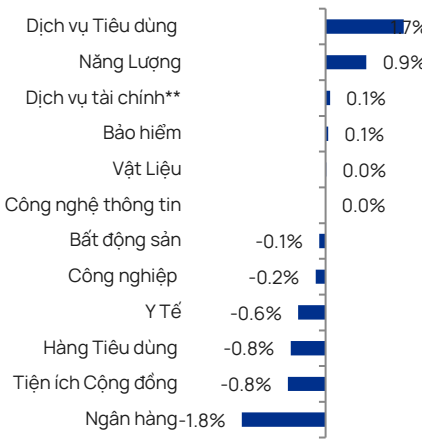
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

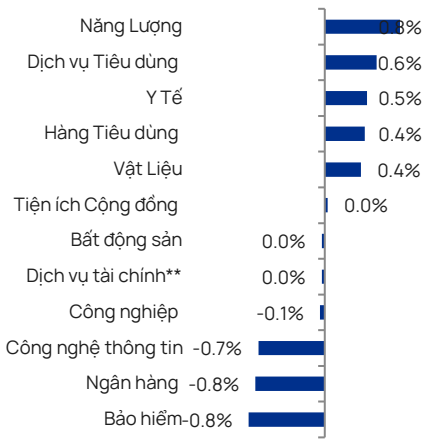


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



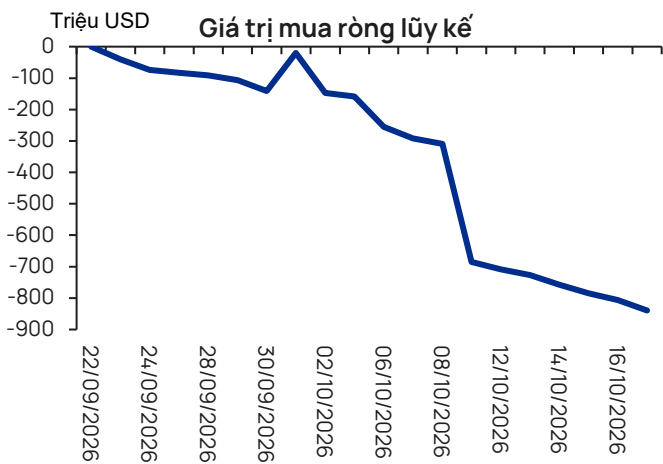
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



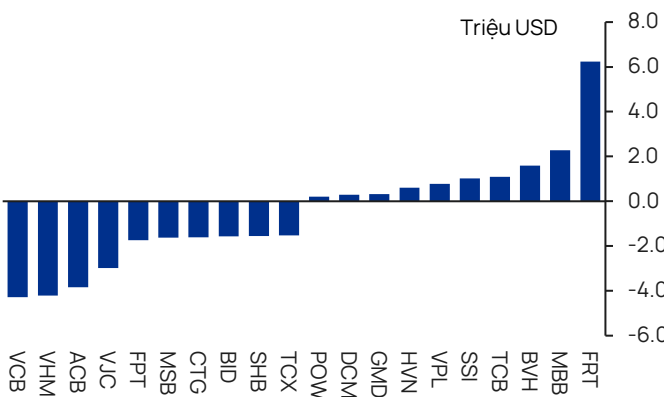
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



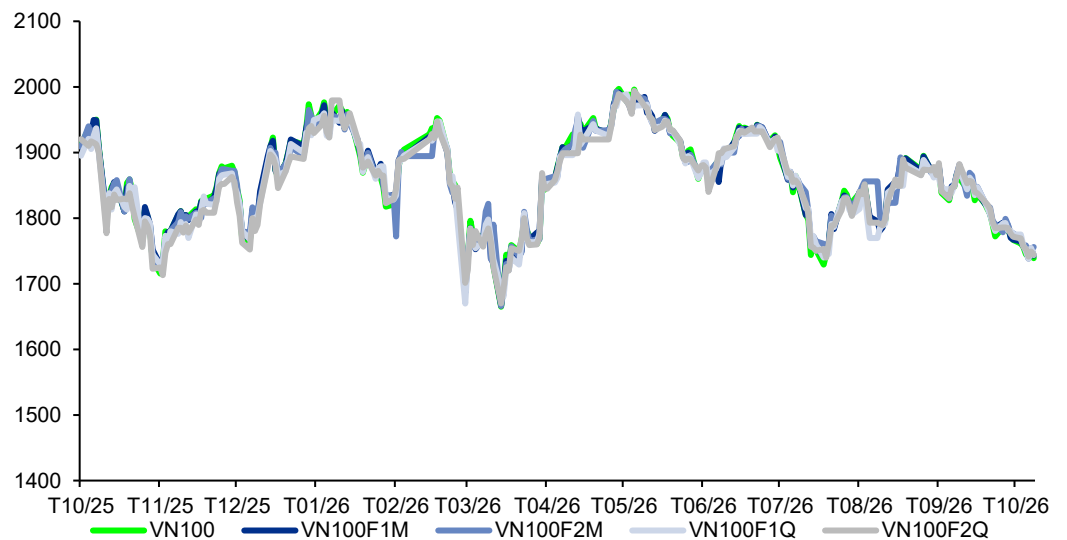
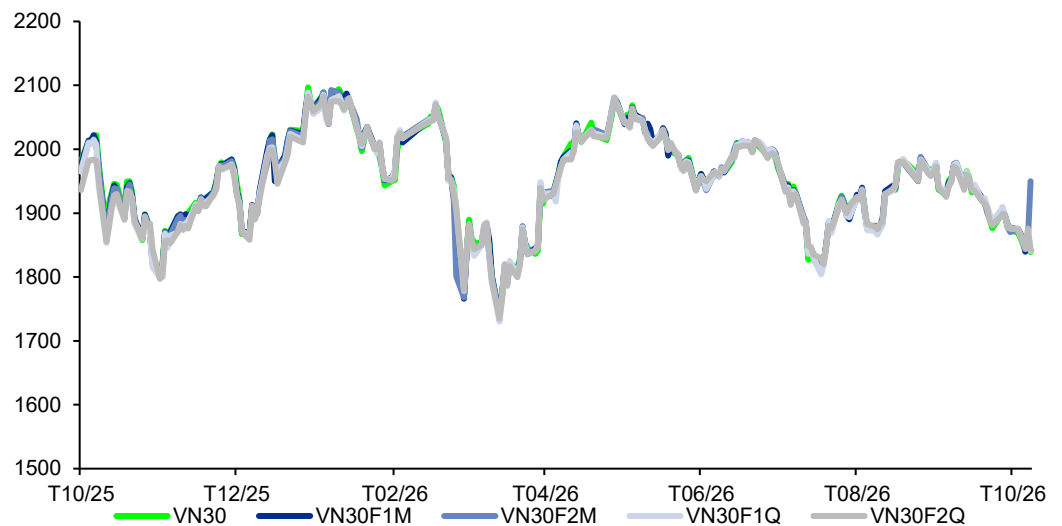
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.841,0	-14,1	-0,8%	1,8
VN30F2M	1.950,0	92,6	5,0%	110,8
VN30F1Q	1.840,7	-13,0	-0,7%	1,5
VN30F2Q	1.843,0	-32,9	-1,8%	3,8
VN100F1M	1.742,6	-11,3	-0,6%	3,5
VN100F2M	1.756,0	6,0	0,3%	16,9
VN100F1Q	1.744,0	-10,4	-0,6%	4,9
VN100F2Q	1.744,5	-4,8	-0,3%	5,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	35.612	22,1%	175,66	-8,0%
VN30F2M	905	19,7%	0,47	62,6%
VN30F1Q	351	-0,8%	0,03	-31,6%
VN30F2Q	10	0,0%	0,01	0,0%
VN100F1M	13	-7,1%	0,01	-50,0%
VN100F2M	33	-2,9%	0,01	75,0%
VN100F1Q	14	-89,6%	0,13	4,0%
VN100F2Q	127	3.075,0%	0,13	2.116,7%

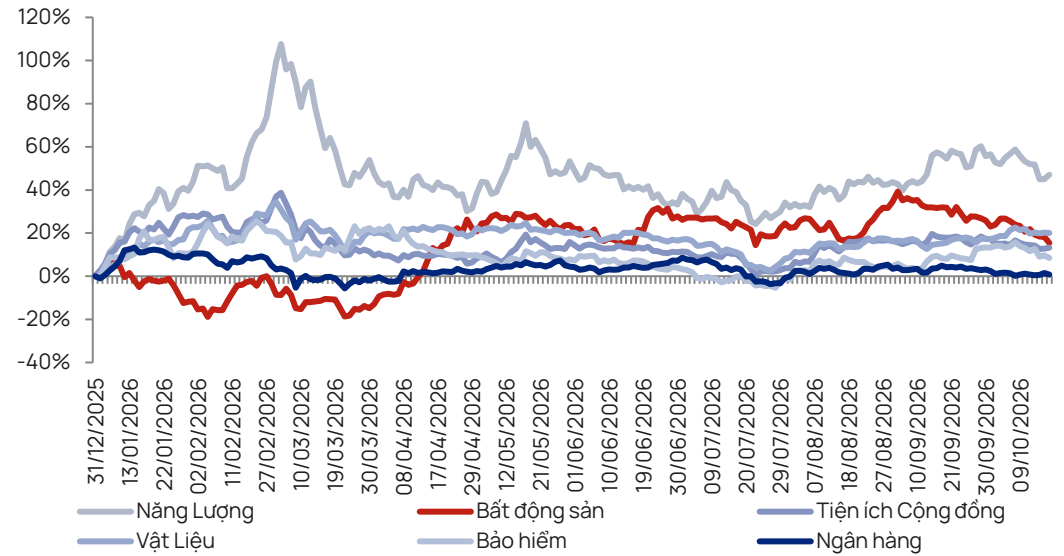


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

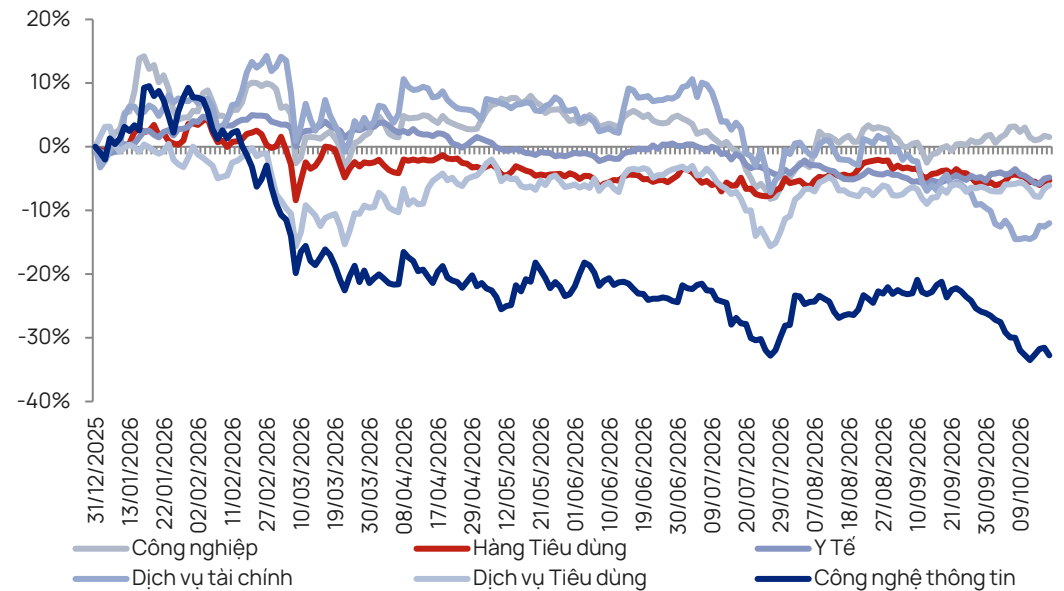
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



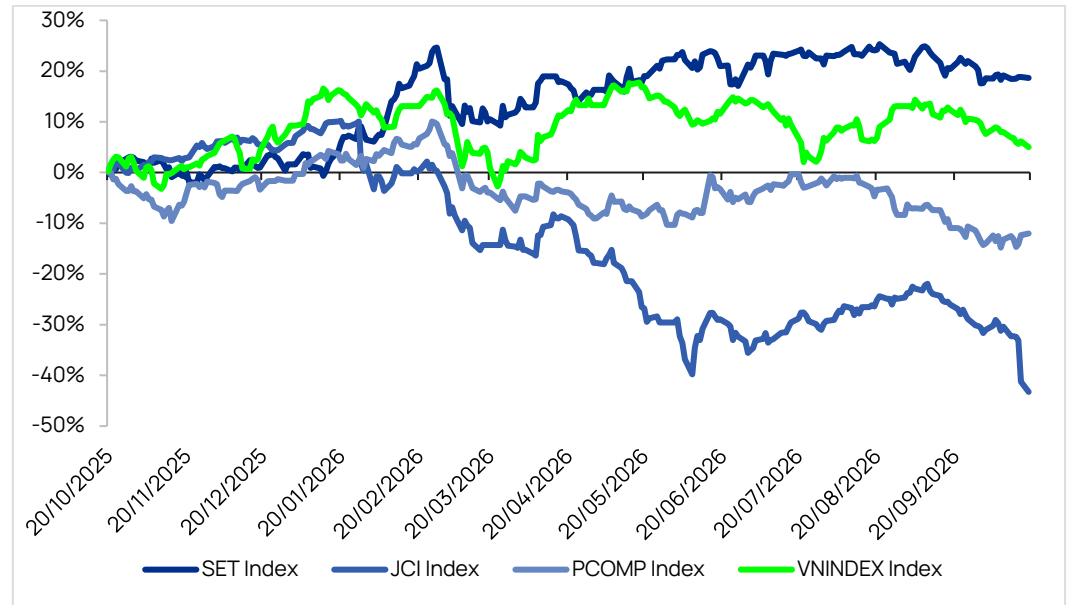
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



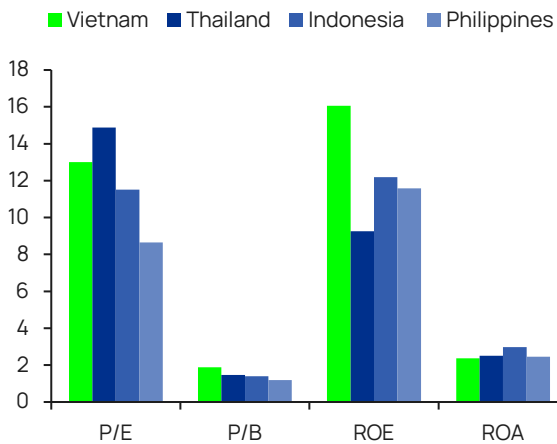
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,9	11,5	8,7	13,0
P/B	1,5	1,4	1,2	1,9
ROE (%)	9,3	12,2	11,6	16,1
ROA (%)	2,5	3,0	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	589,6	563,2	128,9	316,6
GTGD trung bình, tr USD	1.791,0	1.067,3	81,1	756,6
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	514,2	-5.063,2	-622,3	-4.407,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	106,0	(184,4)	(17,2)	(90,4)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,75%	7,24%	7,62%	4,28%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

- Phạm Nguyên Hoàng Anh, Chuyên viên, ext 139

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.